

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 143/2005/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2005

**QUYẾT ĐỊNH****Về Đề án tổng thể quan hệ Việt Nam - Liên minh châu Âu  
và Chương trình hành động của Chính phủ về phát triển  
quan hệ Việt Nam - Liên minh châu Âu đến 2010  
và định hướng tới 2015****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày  
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Nghị quyết số 07/2005/NQ-CP  
ngày 01 tháng 6 năm 2005 của Chính  
phủ,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án tổng thể về quan hệ Việt Nam - Liên minh châu Âu (EU) và Chương trình hành động của Chính phủ về phát triển quan hệ Việt Nam - Liên minh châu Âu đến 2010 và định hướng tới 2015.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

**Phan Văn Khải**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ  
VỀ PHÁT TRIỂN QUAN HỆ VIỆT NAM - LIÊN MINH CHÂU ÂU  
ĐẾN 2010 VÀ ĐỊNH HƯỚNG TỚI 2015**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 143/2005/QĐ-TTg  
ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ)*

Để thực hiện Đề án tổng thể về quan hệ Việt Nam - Liên minh châu Âu nhằm xây dựng “quan hệ đối tác bình đẳng, hợp tác toàn diện, lâu dài giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu vì hòa bình và phát triển”, Thủ tướng Chính phủ phân công các Bộ, ngành, địa phương chịu trách nhiệm về các công việc sau:

**I. VỀ QUAN HỆ CHÍNH TRỊ,  
NGOẠI GIAO****1. Bộ Ngoại giao:**

- Xây dựng đề án về quan hệ chính trị và chương trình các chuyến thăm, các cuộc tiếp xúc của lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Quốc hội với các cơ quan quyền lực liên quan của Liên minh châu Âu (Hội đồng của Liên minh châu Âu, Ủy ban châu Âu - EC, Nghị viện châu Âu), cũng như các nước thành viên của EU nhằm tăng cường đối thoại chính trị, hiểu biết lẫn nhau, đề ra các phương hướng và chủ trương mới

nhằm thúc đẩy quan hệ toàn diện giữa hai bên.

- Phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan căn cứ vào Điều 15 của Hiệp định hợp tác Việt Nam - EU (năm 1995) về “Phát triển trong tương lai”, làm việc với các đối tác phía EU để sớm tiến hành đàm phán, ký kết Hiệp định hợp tác toàn diện Việt Nam - EU vào thời gian thích hợp.

- Phối hợp với Bộ Công an, Tổng cục Du lịch và các Bộ, ngành liên quan đề xuất chủ trương đơn giản hóa thủ tục hoặc mở rộng việc miễn thị thực nhập cảnh ngắn hạn vào Việt Nam đối với công dân của một số nước thành viên EU có đủ điều kiện, nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động du lịch, tìm cơ hội kinh doanh và đầu tư.

- Đàm phán và ký kết với các nước thành viên EU các Hiệp định lãnh sự, Hiệp định nhận trở lại công dân và các văn bản pháp lý điều tiết quan hệ công dân...

- Làm đầu mối tổ chức nghiên cứu dài hạn, toàn diện về EU, thúc đẩy hợp tác

trong EU, thực hiện chủ trương hợp tác ba bên giữa Việt Nam với các nước EU và châu Phi.

**2. Bộ Tư pháp** chủ trì Tiểu ban hợp tác với EU về cải cách thể chế, quản trị và nhân quyền; chủ trì xây dựng phương án đàm phán, ký kết các Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự và con nuôi với các nước EU.

Việc đàm phán, ký kết Hiệp định hỗ trợ tư pháp và Hiệp định lãnh sự nêu trên nhằm mục tiêu tạo địa vị pháp lý vững chắc cho cộng đồng người Việt Nam tại các nước EU.

**3. Các Bộ, các ngành** rà soát và Bộ Ngoại giao tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ những văn bản thỏa thuận và/hoặc cam kết đã ký với những nước thành viên mới gia nhập EU, để sớm đàm phán nhằm hủy bỏ hoặc điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện mới.

**4. Bộ Quốc phòng** đẩy mạnh quan hệ hợp tác song phương với các nước thành viên EU để tăng cường hiểu biết, sự tin cậy và tranh thủ những cơ hội tiếp thu chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, kinh nghiệm phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị quốc phòng, trong đó chú trọng mối quan hệ hợp tác quốc phòng truyền thống với các nước Đông Âu.

**5. Bộ Công an** trên cơ sở các Hiệp định song phương với các nước thành viên EU, đẩy mạnh trao đổi các đoàn cấp cao, tranh thủ hỗ trợ về đào tạo ngoại ngữ, nghiệp vụ, chuyển giao kỹ thuật, công

nghệ và chủ động triển khai các kế hoạch hợp tác thích hợp trên các lĩnh vực liên quan (bao gồm cả tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự, dẫn độ, chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia...).

## II. VỀ CÔNG TÁC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

### 1. Bộ Thương mại:

- Phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các cơ quan liên quan phổ biến rộng rãi chính sách kinh tế, thương mại của EU, thường xuyên thông tin về chính sách thị trường của EU cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tổ chức hội thảo, hội nghị chuyên đề, xây dựng các trang Web về EU để giới thiệu thị trường EU cho các doanh nghiệp.

- Phối hợp với Bộ Tài chính, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các cơ quan liên quan xây dựng Chương trình quốc gia 2005 - 2010 về xúc tiến thương mại tại thị trường EU theo hướng khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp và Hiệp hội ngành hàng thành lập văn phòng, phòng trưng bày, kho ngoại quan hoặc chi nhánh công ty, tham gia hội chợ, triển lãm và/hoặc khảo sát thị trường... tại các nước thành viên EU.

- Phối hợp với Bộ Ngoại giao hỗ trợ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội ngành hàng lập Dự án

xây dựng “Trung tâm thương mại Việt Nam” tại thị trường các nước thành viên EU, trong đó lưu ý khuyến khích, hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam đang kinh doanh tại châu Âu hợp tác với các doanh nghiệp trong nước xây dựng các kênh phân phối hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam tại EU, chú trọng sản phẩm mang thương hiệu Việt Nam, chỉ dẫn địa lý Việt Nam phân phối trực tiếp đến người tiêu dùng cuối cùng. Nguồn lực để thực hiện công việc nêu trên, một phần dựa trên các Quỹ xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch, song chủ yếu dựa vào sự đóng góp của các doanh nghiệp và sự hỗ trợ của Chính phủ thông qua các Hiệp hội ngành hàng bằng nhiều hình thức thích hợp và cơ chế chính sách thuận lợi.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, cơ quan liên quan đề xuất phương án về những lĩnh vực hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ diễn đàn hợp tác ASEM theo tinh thần của “Sáng kiến Thương mại xuyên Khu vực” TREATI do EU đề xuất. Xây dựng phương án thành lập nhóm chuyên gia liên ngành gồm đại diện các Bộ, cơ quan liên quan để thu thập thông tin, rà soát văn bản, nghiên cứu các biện pháp thực hiện.

Trong đó, nhóm công tác về thủy sản do Việt Nam là điều phối viên và các nhóm công tác khác về đầu tư trực tiếp nước ngoài, xuất khẩu đồ gỗ, hàng nông sản, cần có chương trình hoạt động thiết thực.

## 2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ

trì và phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ việc thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng, Ngân hàng xuất nhập khẩu nhằm giúp các doanh nghiệp tăng khả năng cạnh tranh, đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường EU.

**3. Bộ Văn hóa - Thông tin** chủ trì và phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan giới thiệu hình ảnh đất nước, con người, truyền thống văn hóa, tiềm năng kinh tế, thương mại... của các nước EU trên các phương tiện thông tin đại chúng của Việt Nam, đồng thời xây dựng chương trình tuyên truyền đối ngoại, kể cả việc thuê, hợp tác với các kênh thông tin đại chúng của các nước EU nhằm quảng bá hình ảnh Việt Nam, chỉ dẫn địa lý của các sản phẩm Việt Nam, môi trường đầu tư tin cậy tại Việt Nam và giới thiệu Việt Nam như điểm đến của du lịch thân thiện, văn hóa, lịch sử, sinh thái... Nguồn lực cho việc thực hiện các hoạt động này chủ yếu dựa vào sự đóng góp của doanh nghiệp và sự hỗ trợ thích hợp của Chính phủ.

**4. Khuyến khích các doanh nghiệp và địa phương** chủ động tiến hành các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch thông qua việc mở và cập nhật trang chủ (website); tham gia các triển lãm, hội chợ, hội thảo..., trong đó Bộ Thương mại, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội ngành hàng có trách nhiệm phối hợp hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam tạo nên sức mạnh tổng hợp trong quan hệ thương mại với EU.

## 5. Khuyến khích thành lập các cơ quan,

tổ chức tư vấn pháp luật, xúc tiến thương mại, đầu tư tại các địa phương có nhiều hoạt động trong quan hệ với EU (coi đây như những địa điểm tin cậy cung cấp thông tin cần thiết).

### III. VỀ THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA

**1. Bộ Khoa học và Công nghệ** phối hợp với các Bộ chuyên ngành, các cơ quan liên quan nghiên cứu chính sách mới của EU về hóa chất, “Sách Trắng”, “Sách Xanh” để phổ biến cho các Hiệp hội và các doanh nghiệp bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm xuất khẩu vào thị trường này; phổ biến và hướng dẫn Hiệp hội, doanh nghiệp có liên quan thực hiện bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đúng các thỏa thuận và cam kết với EU.

**2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

- Phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Thủy sản xây dựng kế hoạch tuyên truyền và phổ biến rộng rãi kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm theo Hiệp định SPS/WTO và các quy định liên quan của EU cho các doanh nghiệp sản xuất và chế biến thực phẩm xuất khẩu; ban hành các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, quy trình thực hiện và kiểm soát chất lượng thực phẩm xuất khẩu vào thị trường EU; xây dựng quy chế quản lý nhập khẩu và sử dụng đúng mục đích kháng sinh và thuốc bảo vệ thực vật (lưu ý các sản

phẩm nằm trong danh sách EU cấm trong sản xuất và chế biến thực phẩm).

- Nghiên cứu “Chính sách chung về nông nghiệp của EU” và đề xuất các chủ trương chính sách tương ứng của ta báo cáo Thủ tướng Chính phủ và phổ biến đến các doanh nghiệp.

#### 3. Bộ Thương mại:

- Phối hợp với Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu sản phẩm vào thị trường EU phù hợp với thông lệ quốc tế, quy định của WTO và điều kiện cụ thể của từng sản phẩm và dịch vụ, để tăng nhanh kim ngạch và đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu.

- Phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về chủ động phòng chống các vụ kiện thương mại nước ngoài (số 20/2005/CT-TTg ngày 09/6/2005) và hướng dẫn các doanh nghiệp trong hoạt động xuất khẩu sang EU.

**4. Các Bộ chuyên ngành** hướng dẫn các Hiệp hội ngành hàng xây dựng kế hoạch sản xuất và xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực sang thị trường châu Âu trong thời kỳ 2006 - 2010. Trên cơ sở đó hình thành Đề án về sàn giao dịch hàng hóa của một số mặt hàng chủ lực như cà phê, cao su, thủy sản... để dần tiến tới kết nối với các trung tâm giao dịch hàng hóa tại EU.

#### IV. VỀ HỢP TÁC PHÁT TRIỂN (ODA) VÀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI)

##### 1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA của EU và các nước thành viên cũng như các tổ chức phi chính phủ theo hướng: (i) gắn nguồn ODA theo Chương trình chiến lược quốc gia (CSP) của Ủy ban châu Âu - EC và nguồn ODA từ các nước thành viên EU với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2005 - 2010, (ii) nâng cao vai trò chủ động của Việt Nam trong tiếp nhận ODA; (iii) đẩy mạnh quá trình hài hòa hóa thủ tục giải ngân, khuyến khích các hình thức hỗ trợ ngân sách cho các Chương trình quốc gia có mục tiêu, Chương trình hỗ trợ theo ngành... nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA của EU. Ngoài ra cần tìm kiếm các nguồn vốn tín dụng ưu đãi từ các tổ chức tài chính, bảo hiểm của các nước thành viên EU.

- Phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu đề xuất giải pháp để thực hiện có hiệu quả "Chương trình đầu tư châu Á", sáng kiến của EU về hỗ trợ hợp tác kinh doanh giữa châu Âu và châu Á;

- Căn cứ vào các quy định mới của Chính phủ về cải thiện môi trường đầu tư và cam kết mở cửa thị trường với EU, đề xuất giải pháp thu hút đầu tư trực

tiếp (FDI) từ các nước thành viên EU bằng những chính sách ưu đãi, mở rộng lĩnh vực, hình thức đầu tư, thủ tục đơn giản... Để thực hiện nhiệm vụ này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần tranh thủ sự đóng góp của Phòng Thương mại châu Âu tại Việt Nam (Eurocham), các doanh nghiệp EU đã hoạt động có hiệu quả ở Việt Nam, cộng đồng người Việt Nam ở EU...

- Xây dựng Đề án kêu gọi các công ty xuyên quốc gia (TNCs) từ EU đầu tư vào một số dự án quan trọng với những cam kết cụ thể của phía Việt Nam về mức độ ưu đãi, điều kiện triển khai dự án... trình Thủ tướng Chính phủ xem xét.

- Xây dựng Đề án tăng cường cán bộ đại diện làm công tác xúc tiến đầu tư tại một số khu vực trọng điểm trên thế giới, trước hết triển khai tại một số trung tâm kinh tế lớn như Pa-ri, Luân-đôn, Béc-lin, Brúc-xen..., để quảng bá rộng rãi hình ảnh và môi trường đầu tư Việt Nam trực tiếp với các nhà đầu tư EU.

2. Các Bộ, ngành, cơ quan liên quan triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/2005/CT-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác thu hút FDI nói chung, trong đó chú ý các nhà đầu tư EU.

#### V. VỀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

##### 1. Bộ Tài chính:

- Xây dựng phương án mở rộng các quan hệ hợp tác với EU và các nước

thành viên EU trong các lĩnh vực bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, kế toán và kiểm toán; hoàn thiện cơ chế, chính sách; nâng cao năng lực của các cơ quan và cán bộ quản lý tài chính. Trên cơ sở phát triển thị trường trong nước, xem xét việc cấp thêm giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh bảo hiểm cho một số doanh nghiệp EU.

- Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu việc phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty của Việt Nam trên thị trường tài chính châu Âu vào thời gian thích hợp.

**2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam** xây dựng phương án tăng cường hợp tác giữa hệ thống ngân hàng nước ta với hệ thống ngân hàng của EU và các nước thành viên EU, mở rộng quan hệ giao dịch qua ngân hàng, mở các chi nhánh ngân hàng thương mại Việt Nam, trước hết là của Vietcombank tại một số nước thành viên EU.

### **3. Bộ Giao thông vận tải:**

- Đề xuất giải pháp mở rộng quan hệ hợp tác trong lĩnh vực vận tải đa phương thức, trao đổi kinh nghiệm quản lý, đào tạo nguồn nhân lực; lộ trình dành cho các doanh nghiệp từ EU hoạt động trong lĩnh vực vận tải biển và dịch vụ hỗ trợ vận tải biển, bao gồm việc lập chi nhánh, công ty 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam.

- Phát triển mô hình liên kết cảng biển và hãng tàu Việt Nam với một số cảng

và hãng tàu lớn của EU để khai thác luồng hàng, nâng cao trình độ quản lý vận chuyển hàng hóa quốc tế, vận chuyển đa phương thức, tạo tiền đề để Việt Nam trở thành một trung tâm trên tuyến vận chuyển Âu - Á.

- Phát triển hình thức hợp tác với các công ty EU đóng các loại tàu biển có trọng tải lớn, hướng tới mục tiêu xây dựng công nghiệp đóng tàu Việt Nam có sức cạnh tranh ở khu vực.

- Đề xuất phương án khôi phục và/hoặc mở thêm đường bay chuyên chở hành khách và vận chuyển hàng hóa trực tiếp từ Việt Nam đến các nước thành viên EU và ngược lại, đồng thời nghiên cứu để tiến tới ký Hiệp định Hàng không với Ủy ban châu Âu EC (nhằm hướng tới mục tiêu xây dựng Việt Nam trở thành một điểm trung tâm của các đường bay châu Âu - châu Á).

**4. Bộ Bưu chính, Viễn thông** xây dựng phương án đẩy mạnh hợp tác với EU và các nước thành viên, trong đó chú trọng hợp tác với các công ty xuyên quốc gia của EU về phát triển công nghệ viễn thông, công nghệ thông tin, công nghệ phần mềm... đào tạo cán bộ nhằm phát huy thế mạnh nguồn nhân lực và xây dựng ngành công nghệ thông tin quốc gia đạt trình độ tiên tiến ở khu vực.

### **5. Bộ Văn hóa - Thông tin:**

- Rà soát lại các Hiệp định, Thỏa thuận song phương để điều chỉnh phù hợp với tình hình mới; soạn thảo văn bản Hợp

tác khung về giao lưu văn hóa, thông tin với EU nhằm làm cho các hoạt động này được thực hiện một cách chủ động, có kế hoạch với những sự hỗ trợ thích hợp của Chính phủ Việt Nam và Ủy ban châu Âu.

- Phối hợp với Bộ Thương mại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan xây dựng Đề án tuyên truyền “Năm hợp tác Việt Nam - EU tháng 7 năm 2005 - tháng 7 năm 2006” nhân kỷ niệm 10 năm hợp tác giữa Việt Nam - EU.

**6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội** chủ động tích cực nghiên cứu các biện pháp để mở ra dịch vụ xuất khẩu lao động sang các nước thành viên EU, trong đó chú trọng xuất khẩu lao động có kỹ năng, tay nghề cao; đề xuất chính sách khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng hợp tác, tranh thủ nguồn vốn của EU để phát triển lĩnh vực dạy nghề.

### **7. Tổng cục Du lịch:**

- Xây dựng phương án đầu tư phát triển các khu du lịch trên cơ sở cải thiện rõ rệt và đồng bộ môi trường du lịch của Việt Nam trong Chương trình tổng thể phát triển du lịch quốc gia, nhằm làm cho Việt Nam trở thành điểm đến an toàn và thân thiện của du khách châu Âu và quốc tế.

- Chủ động hợp tác với các cơ quan đại diện ngoại giao, Hàng không Việt Nam tiến hành hoạt động xúc tiến du lịch, chủ động hợp tác với các công ty du lịch

lữ hành của các nước thành viên EU, nhất là các công ty du lịch lữ hành lớn, xuyên quốc gia có mạng lưới rộng tại châu Âu và thế giới, nhằm gia tăng du khách của EU đến Việt Nam.

## **VI. VỀ CÁC LĨNH VỰC KHÁC**

### **1. Bộ Khoa học và Công nghệ:**

- Nghiên cứu việc thành lập và đưa vào hoạt động Nhóm công tác về khoa học - công nghệ trong khuôn khổ của Ủy ban hỗn hợp Việt Nam - EU, phương án khai thác có hiệu quả các dự án hợp tác về khoa học và công nghệ; nâng cao năng lực quản lý và nghiên cứu khoa học - công nghệ; đào tạo nhân lực; trao đổi chuyên gia, chuyển giao công nghệ;... với EU và các nước thành viên EU; khuyến khích, tạo thuận lợi để các tổ chức và các nhà khoa học Việt Nam tham gia chương trình khung “Nghiên cứu và phát triển công nghệ của EU”.

- Xây dựng mạng lưới trao đổi thông tin về khoa học và công nghệ giữa các nhà khoa học Việt Nam và EU.

**2. Bộ Giáo dục và Đào tạo** ban hành chính sách, khuyến khích các doanh nghiệp, các trường đại học, cơ quan nghiên cứu, tổ chức khoa học, đào tạo, các cơ quan nhà nước mở rộng hình thức hợp tác trong lĩnh vực khoa học và giáo dục với EU, nhất là các nước thành viên EU có nền giáo dục tiên tiến và có công nghệ hiện đại.



## VII. MỘT SỐ CÔNG TÁC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

**1.** Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Thương mại, Bộ Tài chính xây dựng Đề án trình Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Cơ quan đại diện ngoại giao tại Liên minh châu Âu - EU (tách khỏi Đại sứ quán Việt Nam tại Vương quốc Bỉ hiện nay) và phương án kiện toàn bộ phận kinh tế, trong đó thống nhất với Bộ Thương mại về phương án nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ phận Thương vụ trực thuộc cơ quan đại diện ngoại giao tại EU và tại các nước thành viên EU.

**2.** Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam xây dựng Đề án hình thành “Cơ chế tư vấn về chính sách” của doanh nghiệp hai bên Việt Nam và EU với Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Chính phủ Việt Nam, mời Phòng Thương mại châu Âu tại Việt Nam (Eurocham) cùng tham gia.

**3.** Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, do một Phó Thủ tướng lãnh đạo, Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thương mại và Văn phòng Chính phủ có nhiệm vụ giúp Thủ tướng Chính

phủ tổ chức và chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động này.

**4.** Các Bộ, cơ quan liên quan cần hoàn thành việc xây dựng các phương án, đề án nêu trên trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 01 tháng 10 năm 2005.

Văn phòng Chính phủ căn cứ vào Chương trình hành động này và thời gian thực hiện của từng phương án, đề án để theo dõi và đôn đốc việc thực hiện.

**5.** Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ Đề án tổng thể về quan hệ Việt Nam - Liên minh châu Âu (EU) và Chương trình hành động này của Chính phủ để xây dựng chương trình hành động của Bộ, ngành, địa phương mình, đối với những vấn đề vượt thẩm quyền, báo cáo Thủ tướng Chính phủ để xin ý kiến chỉ đạo.

**6.** Sau 2 năm triển khai Đề án và Chương trình hành động của Chính phủ về phát triển quan hệ Việt Nam - EU, Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế chỉ đạo việc tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện để có sự điều chỉnh, bổ sung nhằm đạt mục tiêu của Đề án./.

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## ĐỀ ÁN TỔNG THỂ VỀ QUAN HỆ VIỆT NAM - LIÊN MINH CHÂU ÂU ĐẾN 2010 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2015

*(ban hành kèm theo Quyết định số 143/2005/QĐ-TTg  
ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ)*

### LỜI NÓI ĐẦU

Trong tình hình quốc tế hiện nay, quan hệ chính trị, kinh tế - thương mại với các đối tác trên thế giới cần được đặt trong tổng thể chiến lược đối ngoại của nước ta nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tăng cường vị thế của nước ta tại các khu vực và trên thế giới.

Liên minh châu Âu (EU) từ năm 2004 đã được mở rộng thành EU - 25, là một trung tâm chính trị, kinh tế, khoa học và công nghệ hàng đầu của thế giới, một trong những đối tác quan trọng của nước ta.

Việt Nam đã có quan hệ lâu dài với nhiều nước thành viên EU, năm 1990 đã thiết lập quan hệ ngoại giao với EU và năm 1995 hai bên đã ký Hiệp định hợp tác kinh tế, thương mại. Trên cơ sở đó quan hệ Việt Nam - EU ngày càng mở rộng và phát triển nhưng chưa ngang tầm với tiềm năng và lợi thế của hai bên.

Việc mở rộng quan hệ hợp tác toàn diện với EU và với từng nước thành viên của EU trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi có ý nghĩa chiến lược đối với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Bản “Đề án tổng thể về quan hệ Việt Nam - EU” mô tả quá trình hình thành, phát triển, các chính sách lớn và vị thế của EU; đánh giá thực trạng quan hệ Việt Nam - EU; trên cơ sở đó đề ra chủ trương và các giải pháp lớn trong thời gian đến 2010 và định hướng đến 2015 nhằm nâng mối quan hệ này lên tầm cao mới: “quan hệ đối tác bình đẳng, hợp tác toàn diện, lâu dài giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu vì hòa bình và phát triển”.

### I. KHÁI QUÁT VỀ LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)

#### 1. Tóm lược quá trình phát triển

Sau Chiến tranh thế giới thứ 2, một số

nhà lãnh đạo các nước châu Âu nhận thức rằng, để châu Âu có vị thế trên thế giới, các nước châu Âu cần liên kết chặt chẽ với nhau, trước hết là về kinh tế.

Những nỗ lực nhất thể hóa kinh tế châu Âu được bắt đầu từ đầu thập kỷ 50 của thế kỷ 20. Ngày 23 tháng 7 năm 1952, Cộng đồng Than Thép châu Âu (ECSC) ra đời với sự tham gia của 6 nước: Pháp, Cộng hòa liên bang Đức, Bỉ, Hà Lan, Luc-xem-bua và Italia. Ngày 25 tháng 3 năm 1957, 6 nước thành viên ECSC quyết định thành lập Cộng đồng kinh tế châu Âu (CEE) và Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu (Euratom). Ngày 01 tháng 01 năm 1958, CEE và Euratom chính thức ra đời.

Sự phát triển của Liên minh châu Âu diễn ra theo 3 tiến trình chính trong mối quan hệ khăng khít, vừa là tiền đề vừa là điều kiện của nhau; đó là:

- Tiến trình hợp tác và liên minh kinh tế, chính trị (nhất thể hóa): thành công bước đầu của Cộng đồng Than Thép châu Âu (1952) đã thúc đẩy 6 nước thành viên tiến tới thành lập CEE và Euratom (1958) nhằm mở rộng sự hợp tác và hội nhập sang toàn bộ các sản phẩm và tạo điều kiện thuận lợi cho việc phổ biến và sử dụng năng lượng nguyên tử.

Việc cắt giảm thuế quan đối với tất cả sản phẩm theo Hiệp ước CEE được thực hiện nhiều lần; đến ngày 01 tháng 7 năm 1968 được xóa bỏ hoàn toàn. Sau

nhiều lần điều chỉnh “Biểu thuế quan chung” (gọi tắt là TDC) đã thay cho biểu thuế quan quốc gia. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1970, các nước thành viên thực hiện chính sách ngoại thương thống nhất do Ủy ban châu Âu hoạch định.

Tháng 01 năm 1962 những quy tắc đầu tiên về một chính sách nông nghiệp chung đã được hình thành nhằm thiết lập một thị trường thống nhất đối với sản phẩm nông nghiệp. Tháng 01 năm 1967 Hội đồng Bộ trưởng CEE ban hành những nguyên tắc cơ bản của hệ thống thuế giá trị gia tăng và thông qua chính sách kinh tế trung hạn.

Năm 1972, Hệ thống tiền tệ châu Âu ra đời, lấy đồng ECU làm đơn vị tiền tệ chung. Hai mươi tám năm sau, ngày 01 tháng 01 năm 1999, thực hiện Hiệp ước Maastricht, đồng Euro đã chính thức ra đời và hiện nay đã được lưu hành ở 12 quốc gia thành viên là Áo, Bỉ, Luc-xem-bua, Phần Lan, Pháp, Ailen, Đức, Italia, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Hy Lạp. Việc ra đời đồng tiền chung châu Âu là sự kiện quan trọng đối với EU và thế giới: một đồng tiền mạnh đã ra đời sánh vai với đồng Đô la Mỹ trên thị trường thế giới, là sự kiện quan trọng trong hệ thống tài chính tiền tệ thế giới sau việc Hoa Kỳ quyết định chấm dứt chế độ bản vị vàng đối với đồng Đô la Mỹ.

Ngày 29 tháng 10 năm 2004, Hiến pháp mới của Liên minh châu Âu được 25 vị nguyên thủ quốc gia ký tại Roma là

bước tiến quan trọng sau khi EU được mở rộng lần thứ 5 với ba mục tiêu: minh bạch hơn, dân chủ hơn và hiệu quả hơn. Tổ chức và cơ cấu bộ máy của EU được thay đổi theo Hiến pháp mới.

- Tiến trình hoàn thiện và củng cố thể chế và luật pháp:

Khi Cộng đồng Than Thép châu Âu ra đời vào năm 1952, hai cơ quan thực thi Hiệp định là Cơ quan quyền lực cấp cao và Hội đồng. Khi Cộng đồng kinh tế châu Âu CEE và Cộng đồng nguyên tử châu Âu Euratom ra đời vào năm 1958, mỗi Cộng đồng thành lập hai cơ quan hành pháp.

Năm 1965, để thống nhất điều hành cả ba Cộng đồng, các cơ quan hành pháp của ba tổ chức này đã được cấu trúc lại; kể từ ngày 01 tháng 7 năm 1967 thay cho ba Cộng đồng chỉ còn một Ủy ban và một Hội đồng.

Ngày 19 tháng 3 năm 1958, Nghị viện châu Âu được thành lập thay thế cho Hội đồng của Cộng đồng Than Thép châu Âu. Ngoài ba cơ quan quyền lực là ủy ban, Hội đồng và Nghị viện châu Âu, còn có các cơ quan giúp việc là Tòa án châu Âu, Viện Kiểm toán, Ủy ban kinh tế và xã hội, Ủy ban vùng, Ngân hàng Trung ương châu Âu, Ngân hàng đầu tư châu Âu. Các cơ quan quyền lực, tư vấn và chuyên môn này thường xuyên được hoàn thiện về thể chế và tư cách pháp lý.

- Tiến trình mở rộng không gian thông qua việc kết nạp thành viên mới:

Từ ngày thành lập đến nay, EU đã trải qua 5 lần mở rộng:

Lần thứ nhất ngày 01 tháng 01 năm 1973 kết nạp ba nước Anh, Ai-len và Đan Mạch, đưa EU-6 thành EU-9;

Lần thứ hai ngày 01 tháng 01 năm 1981 kết nạp Hy Lạp, đưa EU-9 thành EU-10;

Lần thứ ba ngày 01 tháng 01 năm 1986 kết nạp Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, đưa EU-10 thành EU-12;

Lần thứ tư ngày 01 tháng 01 năm 1995 kết nạp Áo, Phần Lan và Thụy Điển, đưa EU-12 thành EU-15;

Lần thứ năm ngày 01 tháng 5 năm 2004, kết nạp 10 nước là Ba Lan, Séc, Hungary, Slovakia, Estonia, Latvia, Litva, Slovenia, Síp và Malta, đưa EU-15 thành EU-25.

## 2. Vị thế mới của Liên minh châu Âu (EU)

Đợt mở rộng lần thứ năm vào ngày 01 tháng 5 năm 2004 là lớn nhất có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố và nâng cao vị thế của EU nhưng không phải là lần cuối, vì mục tiêu của EU là bao quát toàn châu Âu.

Về chính trị: EU-25 có diện tích 3.976.372 km<sup>2</sup> và dân số 456 triệu người (tăng thêm 20%) tiếng nói của Liên minh châu Âu sẽ có trọng lượng hơn với một chính sách đối ngoại và chính sách an ninh chung.

Về kinh tế: đưa tổng GDP của EU (năm 2003) lên 10.970 tỷ USD, chiếm khoảng 27,8% GDP thế giới, ngang GDP của Mỹ (10.881 tỷ USD), gấp hơn hai lần GDP của Nhật Bản (4.326 tỷ USD).

Về ngoại thương: tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của EU-15 năm 2003 đạt 1.296,2 tỷ USD, chiếm 17,3% thị phần thế giới (của Mỹ là 724,0 tỷ USD chiếm 9,7% và của Nhật Bản là 471,9 tỷ USD, chiếm 6,3%). Nếu tính cả xuất khẩu nội khối thì tổng kim ngạch là 3.092,0 tỷ USD, chiếm 41,4% thị phần thế giới.

Tổng kim ngạch xuất khẩu dịch vụ của

EU-15 năm 2003 là 673,3 tỷ USD, đứng đầu thế giới, chiếm 43,8% giá trị, gấp 2,5 lần so với Mỹ và 10 lần so với Nhật Bản. Năm 2003 EU-15 dẫn đầu thế giới về nhập khẩu dịch vụ đạt mức 650,9 tỷ USD, chiếm 42,7% giá trị nhập khẩu dịch vụ toàn thế giới, trong khi tỷ trọng của Hoa Kỳ là 14,3% và Nhật Bản là 6,9%.

Về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: không kể đầu tư nội khối, năm 2003 đầu tư ra nước ngoài của EU-15 chiếm 47% FDI toàn thế giới và tiếp nhận 20% FDI của thế giới. EU-15 nắm 1.549 tỷ Euro cổ phiếu đầu tư nước ngoài, gấp 1,5 lần Mỹ.

#### MỘT SỐ TƯ LIỆU CHỦ YẾU VỀ EU-15 VÀ EU-25

Khu vực - Nước	Tổng diện tích (km <sup>2</sup> )	Dân số (triệu người)	GDP năm 2003		XK hàng hóa 2003	
			Tổng (tỷ USD)	Theo đầu người (USD)	Tổng trị giá (tỷ USD)	Thị phần thế giới (%)
EU 15	3.238.092	381,5	10.482,7	26.938,9	2.894,4	38,7%
10 nước mới	738.280	74,7	487,5	13.683,2	197,6	2,7%
EU 25 (+)	3.976.372	456,2	10.970,2	24.046,9	3.092,0 (1)	41,4%
EU-25					1.296,2 (2)	17,3%
Hoa Kỳ	9.631.418	293,0	10.881,6	35.991,9	724,0	9,7%
Nhật	377.835	127,3	4.326,4	28.699,5	471,9	6,3%
Trung Quốc	9.596.960	1.298,8	1.409,8	1085	428,4	5,9%
Nga	17.075.200	143,8	433,5	3014	135,2	1,8%

(theo World Bank)

Ghi chú: a) Tính EU 15 + 10 “thành viên mới” mặc dù 10 nước này chưa là thành viên vào năm 2003. b) (1) Xuất khẩu EU kể cả nội khối, (2) Xuất khẩu EU chỉ kể ngoại khối.

### 3. Chính sách kinh tế và thương mại của EU

Về kinh tế, EU đặt mục tiêu tới năm 2010 sẽ trở thành một nền kinh tế tri thức có năng lực cạnh tranh và năng động nhất trên thế giới, có khả năng bảo đảm phát triển bền vững, tạo ra nhiều việc làm và tính liên kết xã hội ngày càng cao.

Đối với thị trường nội địa, thực hiện việc tự do lưu thông lao động, vốn, hàng hóa và dịch vụ, tạo ra thị trường chứng khoán và thị trường tài chính được hội nhập hoàn toàn.

Việc lưu hành đồng Euro có tác động tích cực đến thị trường nội địa, giảm chi phí giao dịch thương mại, ổn định giá cả, làm cho hoạt động kinh tế và sử dụng nguồn nhân lực có hiệu quả hơn.

Lĩnh vực nông nghiệp là lĩnh vực rất nhạy cảm và luôn được bảo hộ được áp dụng cơ chế chính sách chung nhằm ổn định giá cả thị trường đối với 18 loại sản phẩm. Gần đây EU đã cải tổ một cách cơ bản Chính sách nông nghiệp theo hướng chú trọng đến lợi ích của người tiêu dùng và người đóng thuế, trong khi nông dân vẫn tiếp tục được hỗ trợ; bảo đảm phát triển kinh tế nông thôn và bảo vệ môi trường; bảo đảm tính ổn định và có thể kiểm soát được chi phí ngân sách; hỗ trợ đàm phán Hiệp định nông nghiệp của WTO, đáp ứng nhu cầu xã hội và ngành nông nghiệp EU.

Về thương mại, EU hướng tới việc xóa bỏ các hạn chế trong thương mại, hạ

thấp rào cản thuế quan, tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại quốc tế.

Trên cơ sở đó, EU đã kết hợp áp dụng những chính sách đa phương, khu vực và song phương trong các mối quan hệ kinh tế, thương mại. Bên cạnh những cam kết lâu dài của các nước thành viên trong hệ thống thương mại đa phương, EU duy trì một loạt các Hiệp định thương mại và các Hiệp định ưu đãi khu vực và song biên.

EU áp dụng Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) dành cho các nước đang phát triển (bao gồm 143 quốc gia độc lập và 36 lãnh thổ thuộc địa), trong đó, các nước chậm phát triển nhất được ưu đãi nhiều hơn theo sáng kiến "Mọi sản phẩm trừ vũ khí - EBA" mà EU đề ra. Tuy nhiên 65 nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam chỉ được hưởng GSP đơn thuần, mà không được hưởng thêm các ưu đãi nào khác.

EU áp dụng nhiều biện pháp tác động trực tiếp đến nhập khẩu vào EU như thủ tục hải quan, quy tắc xuất xứ, thuế quan, thuế gián tiếp, giấy phép, biện pháp tự vệ, quy tắc và tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, chống bán phá giá...

## II. QUAN HỆ VIỆT NAM - LIÊN MINH CHÂU ÂU

### 1. Quá trình phát triển

Việt Nam và Liên minh châu Âu chính thức lập quan hệ ngoại giao cuối năm 1990, nhưng trước đó Việt Nam đã có quan hệ hữu nghị, hợp tác kinh tế, thương mại, văn hóa... với một số nước thành viên EU.

- Nhiều lần EU đã thể hiện thiện chí đối với Việt Nam: đồng ý Việt Nam tham gia Hiệp định hợp tác EU - ASEAN ngay sau khi Việt Nam gia nhập ASEAN, dành nhiều hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho Việt Nam thông qua các Kế hoạch hợp tác chiến lược (CSP) giai đoạn 1996 - 2000, giai đoạn 2001 - 2006 và đang xây dựng CSP giai đoạn 2007 - 2013. Trong nhiều năm, EU xếp Việt Nam vào danh sách các nước được ưu tiên hợp tác phát triển ở mức thấp; tuy

chưa chính thức công nhận Việt Nam là nước có nền kinh tế thị trường nhưng thương mại hai chiều EU - Việt Nam vẫn phát triển mạnh mẽ.

- Kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và EU tăng nhanh trong những năm gần đây, từ gần 3,6 tỷ USD năm 1999 lên 6,33 tỷ USD năm 2002, năm 2004 tổng kim ngạch đạt 7,47 tỷ USD, trong đó Việt Nam xuất khẩu khoảng gần 5 tỷ USD, nhập khẩu 2,51 tỷ USD. Việt Nam liên tục xuất siêu vào EU.

### KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM - EU 15

Đơn vị: triệu USD

Năm	Xuất khẩu		Nhập khẩu		Xuất + nhập khẩu	
	Trị giá	Tỷ lệ tăng (%)	Trị giá	Tỷ lệ tăng (%)	Trị giá	Tỷ lệ tăng (%)
1999	2.506,3	17,9	1.052,8	-19,5	3.559,1	3,7
2000	2.824,4	12,7	1.302,6	23,7	4.127,0	15,9
2001	3.002,9	6,3	1.527,4	17,2	4.530,3	9,7
2002	3.149,9	4,9	1.841,1	20,5	4.991,1	10,2
2003	3.858,8	22,5	2.472,0	34,3	6.330,8	26,8
2004	4.962,6	28,7	2.509,5	3,5	7.472,1	18
2005 (dk)	5.900		2.600		8.500	

### HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ YẾU CỦA VIỆT NAM SANG EU

Đơn vị: triệu USD

Mặt hàng	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004
1 Dệt may	516,4	555,1	609,0	607,7	551,9	537,0	860
2 Giấy dép	626,9	937,0	1.039,2	1.163,0	1.327,9	1.602,5	1850
3 Cà phê	203,0	207,3	201,5	197,7	165,8	262,31	467
4 Hải sản	91,5	89,1	100,3	116,7	97,9	53,2	235
5 Mỹ nghệ	0	59,7	111,3	119,2	149,5	172,0	180
6 Sản phẩm gỗ	0	0	0	96,9	99,8	158,8	306

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Các nước thành viên EU là khách hàng nhập khẩu chính của Việt Nam năm 2004 bao gồm: Đức 1,1 tỷ USD, Anh 990 triệu USD, Pháp 525 triệu USD, Hà Lan 560 triệu USD, Bỉ 517 triệu USD, Italy 360 triệu USD...

- Thương mại dịch vụ, hợp tác khoa học và công nghệ giữa EU với Việt Nam còn chưa phát triển, chủ yếu mới ở mức tiếp nhận các dự án hỗ trợ kỹ thuật từ phía EU thông qua các dự án ODA và các hoạt động chuyển giao công nghệ trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Các nước EU dành nhiều khoản viện trợ quan trọng cho Việt Nam, ODA của EU được thực hiện thông qua các kế hoạch chiến lược hợp tác song phương (CSP) giai đoạn 1996 - 2000, 2001 - 2006. Riêng giai đoạn 2002 - 2006 EU cam kết tài trợ 162 triệu Euro cho Việt Nam.

ODA của EU tập trung vào các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, trồng rừng, bảo vệ môi trường, cấp thoát nước, vệ

sinh đô thị, khu công nghiệp...; chuyển đổi nền kinh tế, cải cách hành chính; xóa đói giảm nghèo; đẩy mạnh hội nhập quốc tế và hiện nay đang giúp xây dựng các dự án thực hiện cam kết WTO và hỗ trợ các lĩnh vực sẽ gặp khó khăn sau khi gia nhập WTO.

- Đến tháng 12 năm 2004, EU đã có 473 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam với tổng vốn đăng ký 6,9 tỷ USD, chiếm 9,04% vốn FDI đã được cấp phép, đứng đầu danh sách những nước và vùng lãnh thổ có vốn đầu tư trực tiếp tại Việt Nam. Song nếu tính từng nước thành viên thì mỗi nước đầu tư vào Việt Nam không nhiều.

Đầu tư của EU tập trung chủ yếu vào các ngành công nghiệp là những ngành đòi hỏi vốn lớn, công nghệ hiện đại, có đội ngũ cán bộ, công nhân giỏi về nghiệp vụ và kỹ thuật. Doanh nghiệp EU thể hiện rõ sự vượt trội khi đầu tư vào các ngành công nghiệp nặng có quy mô vốn đăng ký gấp 2,8 lần so với các dự án khác.

### ĐẦU TƯ CỦA EU VÀ MỘT SỐ ĐỐI TÁC LỚN VÀO VIỆT NAM (Số dự án đang còn hiệu lực đến tháng 12 năm 2004)

Thứ tự	Khu vực - Nước	Tổng số dự án	Tổng vốn đầu tư (triệu USD)
1	EU	473	6.900,00
2	Nhật Bản	173	1.139,49
3	Hoa Kỳ	419	4.480,52
4	Trung Quốc	244	507,89



- Nhiều nước trong EU đã nhận đào tạo số lượng khá đông sinh viên, nghiên cứu sinh Việt Nam, dành nhiều quan tâm giúp Việt Nam xây dựng thể chế, đổi mới luật pháp, đào tạo nguồn nhân lực... Quan hệ văn hóa cũng từng bước được mở rộng. Tuy nhiên hợp tác trong các lĩnh vực này vẫn còn hạn chế.

- Quan hệ giữa Việt Nam với 10 nước thành viên mới của EU, trong đó có 7 nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô trước đây đã được hình thành từ nhiều thập kỷ, đặc biệt trong khuôn khổ Hội đồng tương trợ kinh tế (COMECON). Từ năm 1990, các nước này chuyển đổi thể chế chính trị và kinh tế, do vậy, quan hệ với Việt Nam bị gián đoạn trong thời gian đầu, từng bước đang được khôi phục. Các nước này gia nhập EU có điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng quan hệ nhiều mặt với Việt Nam.

## 2. Đánh giá tổng quát

Quan hệ Việt Nam - EU trong những năm qua có tiến bộ rõ rệt, nhất là về chính trị, kinh tế và thương mại, song vẫn còn thấp so với tiềm năng của hai bên chủ yếu do:

### - Về phía Liên minh châu Âu:

+ Trên thực tế, cho đến 1995 chính sách thương mại đầu tư của EU chủ yếu tập trung vào các thị trường truyền thống là châu Âu, châu Mỹ, châu Phi và Địa Trung Hải. Với châu Á, trong đó có Việt Nam, chính sách thương mại đầu tư

của EU mới được hình thành, đang trong quá trình vừa khai thác vừa hoàn thiện.

+ Mặc dầu dành cho Việt Nam thiện cảm, nhưng EU chưa thực sự dành nhiều quan tâm tới Việt Nam như đối với Trung Quốc và các đối tác khác ở châu Á. EU vẫn xếp Việt Nam vào danh sách những nước có nền kinh tế phi thị trường; thực hiện chế độ quản lý hạn ngạch hàng dệt may cho tới ngày 01 tháng 01 năm 2005.

+ Thời gian qua, kinh tế phần lớn các nước EU tăng chậm. Khi EU triển khai chính sách hướng về châu Á cuối những năm 1990 thì lúc này châu Á lại rơi vào khủng hoảng tài chính tiền tệ, làm giảm đáng kể hoạt động thương mại và đầu tư của EU vào khu vực, trong đó có Việt Nam.

+ Tuy không phải là trở ngại lớn song giữa một số nước trong EU và Việt Nam cũng còn một số khác biệt về vấn đề “nhân quyền, dân chủ”.

### - Về phía Việt Nam:

+ Chưa có chiến lược dài hạn trong hợp tác và tranh thủ sự hỗ trợ của EU.

+ Môi trường kinh doanh và đầu tư ở Việt Nam chưa thật sự hấp dẫn các doanh nghiệp châu Âu. Tình trạng thiếu minh bạch và không ổn định của pháp luật, cũng như thiếu nghiêm minh trong việc thi hành luật pháp và tệ tham nhũng của bộ máy nhà nước, thủ tục hành chính phiền hà làm cho các nhà đầu tư châu Âu nản chí.

+ Việc hình thành và phát triển quan hệ với các nước EU chủ yếu tùy thuộc vào nhận thức của từng ngành, từng địa phương, thiếu phương hướng rõ rệt và không chủ động trong việc đề ra các ý tưởng và sáng kiến để thúc đẩy quan hệ Việt Nam và EU.

+ Trong chỉ đạo, điều hành, còn thiếu tập trung, chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, địa phương và doanh nghiệp nhằm tạo thế và lực tổng hợp trong quan hệ giữa Việt Nam với EU.

### 3. Tác động của EU-25 đối với Việt Nam.

EU mở rộng lần thứ 5 với 25 thành viên sẽ tạo ra một số thuận lợi sau:

- Nhiều nước thành viên trong EU-25 có thiện cảm và quan hệ hữu nghị với Việt Nam (thế hệ lãnh đạo hiện nay của một số nước thành viên EU vốn là những người đã từng ủng hộ Việt Nam kháng chiến giành độc lập thống nhất đất nước). Châu Á nói chung, ASEAN nói riêng, trong đó có Việt Nam là thị trường lớn, phát triển năng động, do đó EU rất quan tâm. Những nhân tố này rất cơ bản, tạo thuận lợi cho quan hệ phát triển.

- Tuy trước mắt còn không ít khó khăn song về lâu dài EU sẽ tiến đến một Hiến pháp chung tạo nền tảng quan trọng để xây dựng một Liên minh châu Âu thống nhất và hùng mạnh trên nhiều lĩnh vực: chính trị, ngoại giao, kinh tế, thương mại, quốc phòng, an ninh, văn hóa, khoa học

công nghệ... Điều này đặt ra yêu cầu xây dựng "quan hệ đối tác bình đẳng, hợp tác toàn diện, lâu dài giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu vì hòa bình và phát triển".

- EU là thị trường lớn, nhiều tiềm năng, một đối tác quan trọng, tạo cơ hội mới cho việc phát triển kinh doanh của các doanh nghiệp.

- Việt Nam và Liên minh châu Âu đều tham gia hợp tác trong cơ chế ASEM.

- Cộng đồng người Việt Nam tại EU-25 khá đông (khoảng 600 nghìn người), có nhiều nhà khoa học trình độ cao, am hiểu phong tục, tập quán, thành thạo ngôn ngữ địa phương, có mạng lưới doanh nhân trẻ, năng động, nếu có chính sách đúng và phương thức thích hợp sẽ có khả năng tạo thành một lực lượng quan trọng trong việc tăng cường quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với các nước thành viên EU.

Tuy vậy, việc mở rộng EU cũng phát sinh một số nhân tố mới:

- Việc kết nạp thêm 10 nước thành viên có trình độ phát triển thấp hơn so với các nước EU-15 buộc EU phải dành nguồn lực đáng kể để giúp các nước này thu hẹp khoảng cách. Điều này có thể ảnh hưởng đến nguồn ODA, viện trợ không hoàn lại và đầu tư trực tiếp (FDI) của EU với Việt Nam.

- EU đã và đang đưa ra nhiều chính sách mới, trong đó có các chính sách đòi hỏi yêu cầu ngày càng cao đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu vào châu Âu, đây

là một khó khăn cho các nước đang phát triển như Việt Nam. Điều đó đòi hỏi phải có lộ trình để các doanh nghiệp Việt Nam thích ứng và điều chỉnh. Bên cạnh đó, trước đây, buôn bán giữa Việt Nam và các nước Đông Âu được thực hiện trên cơ sở Hiệp định thương mại song phương, không bị hạn chế bằng hạn ngạch, yêu cầu về chất lượng và các điều kiện thương mại không cao; khi các nước này gia nhập EU, buôn bán giữa Việt Nam với các nước này có thể bị ảnh hưởng do phải tuân thủ các chính sách và luật lệ chặt chẽ của EU.

- Cộng đồng người Việt đang sinh sống tại các nước thành viên mới phải làm quen với môi trường mới. Các doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải mất thời gian để hòa nhập vào môi trường kinh doanh mới.

Những khó khăn trên là thực tế, nhất là những năm đầu mở rộng EU. Tuy vậy, nhìn chung về lâu dài EU-25 sẽ tạo thuận lợi cho việc phát triển quan hệ toàn diện giữa Việt Nam với EU, với cả các thành viên cũ và mới của EU.

### III. CHỦ TRƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP

#### 1. Chủ trương chung

Xuất phát từ yêu cầu tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi để thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đánh giá về vị trí, vai trò quan trọng của EU trong thế giới ngày nay

cũng như mối quan hệ hợp tác truyền thống giữa nước ta với nhiều nước thành viên EU và Liên minh châu Âu nói chung; quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với EU cần được thực hiện theo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp công việc nội bộ của nhau, hợp tác bình đẳng cùng có lợi.

- Chủ động, tích cực thúc đẩy quan hệ hợp tác về nhiều mặt: chính trị, kinh tế - thương mại, khoa học - công nghệ, văn hóa, giáo dục....

- Gắn kết quan hệ hợp tác song phương với từng nước thành viên với quan hệ hợp tác đa phương với cả Liên minh châu Âu, quan hệ giữa EU với ASEAN và trong khuôn khổ ASEM.

- Thông qua hợp tác với các nước thành viên EU để thúc đẩy quan hệ với các nước mà EU có quan hệ mật thiết ở các khu vực khác, nhất là ở châu Phi.

- Thông qua đối thoại trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau để thu hẹp, giải quyết những bất đồng, xung đột lợi ích.

- Kết hợp hài hòa giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài; chủ động linh hoạt vừa hợp tác vừa đấu tranh; xử lý các vấn đề nảy sinh phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nước ta.

- Việc hợp tác với EU phải bảo đảm cân bằng tích cực mang tính xây dựng và cùng phát triển trong hợp tác với các đối

tác khác, nhất là những nước lớn như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Nga. Tăng cường hợp tác với EU không làm ảnh hưởng đến việc hợp tác với các đối tác khác và ngược lại.

Từ những nguyên tắc cơ bản nêu trên, Việt Nam chủ trương chủ động xây dựng “quan hệ đối tác bình đẳng, hợp tác toàn diện, lâu dài giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu vì hòa bình và phát triển”. Cùng với việc mở rộng quan hệ với EU như là một tổ chức khu vực, cần rất coi trọng quan hệ với từng nước thành viên, nhất là các nước lớn trong EU trên cơ sở khai thác lợi thế của từng nước và mối quan hệ truyền thống giữa nước Việt Nam với từng nước.

## **2. Chủ trương đối với từng lĩnh vực**

### **a) Chính trị, ngoại giao.**

Thúc đẩy quan hệ chính trị - ngoại giao làm tiền đề đẩy mạnh sự hợp tác trên các lĩnh vực khác, theo hướng.

- Cùng EU hình thành một khuôn khổ quan hệ giữa hai bên trên cơ sở ổn định và lâu dài.

- Duy trì các cuộc tiếp xúc cấp cao với EU và các nước thành viên, kể cả theo đường nghị viện; đồng thời hình thành cơ chế đối thoại thường xuyên giữa hai bên để củng cố sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau.

- Bổ sung, hoàn thiện cơ sở pháp lý của mối quan hệ giữa hai bên.

- Khuyến khích các cuộc tiếp xúc của các Bộ, ngành Việt Nam với các Cao ủy và các Ủy ban, Tổng vụ của EU; cũng như giữa các giới, các địa phương để thúc đẩy sự hợp tác trong các lĩnh vực cụ thể.

- Tiến hành đối thoại thẳng thắn, cởi mở với EU nói chung và một số nước thành viên, trên các lĩnh vực mà hai bên cùng quan tâm, bao gồm cả những vấn đề như: cải cách thể chế, quản trị nhà nước, nhân quyền, dân chủ, tôn giáo, dân tộc, vi phạm bản quyền....

- Thực hiện giao lưu quân sự, an ninh để tăng cường sự hiểu biết, tin cậy lẫn nhau, tranh thủ sự hỗ trợ đào tạo cán bộ, chuyển giao kỹ thuật trong các lĩnh vực chống khủng bố, chống tội phạm xuyên quốc gia, phòng chống thảm họa trong các trường hợp khẩn cấp, chống di cư bất hợp pháp, nhằm góp phần củng cố hòa bình, an ninh.

- Chủ động thúc đẩy cơ chế đối thoại và sự hợp tác giữa ASEAN và EU cũng như trong khuôn khổ ASEM theo hướng thiết thực, hiệu quả, nhất là về kinh tế - thương mại, khoa học - công nghệ, đem lại lợi ích cho cả hai bên.

- Hợp tác trên tinh thần xây dựng với EU trên các Diễn đàn quốc tế, nhất là tại Liên hợp quốc vì hòa bình, hợp tác và phát triển.

### **b) Kinh tế - thương mại**

- Mở rộng quan hệ kinh tế - thương mại trên cơ sở hai bên cùng có lợi và cùng phát triển, làm nền tảng của sự hợp tác

bền vững và lâu dài giữa Việt Nam và EU theo hướng:

+ Rà soát các văn bản pháp lý đã được ký kết để sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới cho phù hợp với việc Việt Nam hội nhập sâu với kinh tế thế giới cũng như với EU được mở rộng và liên kết chặt chẽ hơn;

+ Coi EU là một trong những thị trường quan trọng hàng đầu của Việt Nam; cần thu thập, phổ biến kịp thời thông tin về thị trường EU (cơ chế, chính sách, nhu cầu, thị hiếu, tiêu chuẩn...), tích cực, chủ động xúc tiến thương mại, tìm kiếm đối tác để không ngừng nâng cao kim ngạch buôn bán hai chiều;

+ Tranh thủ EU duy trì cơ chế GPS (hệ thống ưu đãi phổ cập) đối với VN với tư cách là một nước đang phát triển có thu nhập thấp, thừa nhận nền kinh tế Việt Nam là "nền kinh tế thị trường";

+ Trước mắt tập trung xuất khẩu vào thị trường EU các mặt hàng nông sản, khoáng sản và hàng tiêu dùng sử dụng nhiều lao động (hàng may mặc, giấy dếp, thủy sản, cà phê, đồ gỗ, hàng thủ công mỹ nghệ...) với chất lượng, mẫu mã và tiêu chuẩn vệ sinh phù hợp với đòi hỏi rất cao của người tiêu dùng châu Âu; đồng thời tích cực gia tăng tỷ trọng các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, kể cả thông qua liên doanh, gia công cho các doanh nghiệp châu Âu và từng bước xây dựng thương hiệu Việt Nam đối với các sản phẩm xuất khẩu sang EU; coi trọng việc mở rộng quan hệ thương mại dịch

vụ, phấn đấu năm 2010 nâng kim ngạch xuất khẩu lên 7,5 - 8 tỷ USD, nhập khẩu lên trên 5 tỷ USD;

+ Chú trọng nhập khẩu từ EU công nghệ tiên tiến gắn với việc chuyển giao công nghệ, bí quyết kỹ thuật (know-how)... nhất là về công nghệ thông tin và công nghệ sinh học;

+ Thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết song phương với EU và các cam kết trong khuôn khổ WTO về mở cửa thị trường hàng hóa và dịch vụ, thông qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao chất lượng hàng hóa và dịch vụ;

+ Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để thu hút đầu tư trực tiếp (FDI) từ các doanh nghiệp, đặc biệt là các Công ty đa quốc gia (TNCs) hàng đầu của nước thành viên EU vào các ngành công nghiệp chế tạo, công nghệ cao như tin học, viễn thông, sinh học, năng lượng; xây dựng kết cấu hạ tầng, giao thông, vận tải, du lịch và dịch vụ. Xúc tiến đàm phán để ký kết các Hiệp định bảo hộ đầu tư với các nước thành viên EU. Phấn đấu đưa tổng vốn FDI thu hút từ EU năm 2010 bằng 1,5 - 2 lần năm 2004;

+ Tranh thủ nguồn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) từ Ủy ban châu Âu EC, các nước thành viên EU và các tổ chức phi chính phủ (NGOs) hướng vào mục tiêu xóa đói giảm nghèo, phát triển y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường, cải thiện kết cấu hạ tầng, cải cách hành chính, quản lý nhà nước, xây dựng thể chế kinh tế và hỗ trợ phát triển giai đoạn

“sau gia nhập WTO”: thực hiện các cam kết WTO, nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm, đào tạo nghề, phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, giải quyết các vấn đề xã hội.

**c) Quan hệ hợp tác trên một số lĩnh vực được xác định như sau:**

**+ Công nghiệp**

- Đẩy mạnh nghiên cứu và hợp tác với EU trong việc chuyển giao công nghệ, có chính sách khuyến khích trong việc thu hút các chuyên gia, các nhà đầu tư trong lĩnh vực thiết kế mẫu, mốt; xây dựng các quan hệ buôn bán trực tiếp.

- Phát triển và xây dựng thương hiệu Việt Nam đối với các sản phẩm có chất lượng cao, kiểu dáng đẹp, giá rẻ bao gồm các sản phẩm đã xuất khẩu như: quần áo, giày dép, đồ gỗ, hàng thủ công mỹ nghệ... và phát triển các sản phẩm công nghệ mới dựa trên lợi thế nguồn nhân lực Việt Nam. Tăng cường hợp tác với từng nước thành viên EU trong lĩnh vực mà nước đó có thế mạnh, nhất là về năng lượng, cơ khí sản xuất thiết bị hiện đại cho công nghiệp dệt may, chế biến thủy sản, vật liệu xây dựng, sản xuất giấy, đóng tàu, công nghệ thông tin, kể cả phần mềm.

**+ Nông nghiệp**

- Đẩy mạnh xuất khẩu hàng nông, hải sản có chất lượng cao như: cà phê, chè, hải sản đông lạnh, hoa quả nhiệt đới,... bảo đảm các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm. Đồng thời tăng cường

hợp tác, tranh thủ mọi cơ hội, tiềm năng thế mạnh của từng nước thành viên EU để phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp gắn với xóa đói giảm nghèo, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ sạch, chủ yếu là nông sản.

- Phát triển sản xuất các mặt hàng ta có thế mạnh như chè, cà phê, cao su, thủy sản... hợp lý theo quy hoạch, nâng cao chất lượng hàng hóa thông qua cải tiến giống, xây dựng quy trình sản xuất bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định quốc tế, phát triển năng lực chế biến với công nghệ cao, xây dựng “thương hiệu Việt Nam”, chỉ dẫn địa lý Việt Nam. Tăng cường hợp tác với các nước EU trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững, thân thiện với môi trường, chuyển giao công nghệ sinh học.

**+ Du lịch**

- Tranh thủ hợp tác với các doanh nghiệp châu Âu trong việc xây dựng các Dự án tổng thể về đầu tư, phát triển các tổ hợp du lịch đồng bộ, hoàn thiện các khuôn khổ pháp lý về phát triển cũng như quản lý ngành du lịch.

- Cải thiện mạnh mẽ và đồng bộ môi trường du lịch để Việt Nam trở thành điểm đến của hàng triệu khách du lịch châu Âu; quảng bá giá trị văn hóa truyền thống độc đáo của Việt Nam; phát triển du lịch cảnh quan thiên nhiên, lịch sử, môi trường sinh thái trong điều kiện của một đất nước an toàn và người dân văn minh, mến khách.

- Đơn giản hóa thủ tục nhập cảnh cho khách du lịch đến Việt Nam.

+ Giao thông vận tải

- Tranh thủ sự tài trợ và hợp tác của các nước thành viên EU trong việc cải thiện cơ cấu hạ tầng, nhất là trong nội đô các thành phố lớn, đường sắt.

- Bổ sung và sửa đổi các Hiệp định hàng không đã có; thương lượng để ký Hiệp định hàng không với EU, từng bước mở rộng các tuyến bay nối với các nước trong EU. Thực hiện tốt các dự án hợp tác với EU hiện có về an toàn hàng không, quản lý bay, cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay và đào tạo phi công. Nghiên cứu, đề xuất với EU và các nước thành viên chủ yếu của EU các dự án mới về phát triển cơ sở hạ tầng, nguồn lực, xây dựng quy phạm pháp luật chuyên ngành theo tiêu chuẩn quốc tế, góp phần phát triển nhanh hàng không Việt Nam đáp ứng được yêu cầu của phát triển du lịch, kinh tế, thương mại, đầu tư giữa EU với Việt Nam và với khu vực Đông Nam Á. Thực hiện các cam kết quốc tế về mở cửa thị trường hàng không theo lộ trình hợp lý. Tiếp tục thuê và mua máy bay Airbus để phát triển ngành hàng không Việt Nam.

- Mở rộng mạnh mẽ quan hệ hợp tác với EU trong lĩnh vực hàng hải, nhất là đóng tàu, thực hiện vận tải đa phương thức và hợp tác về logistics, trao đổi học tập kinh nghiệm về mô hình quản lý và phương thức huy động vốn quốc tế để phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn

nhân lực trong ngành hàng hải. Xúc tiến đàm phán để ký Hiệp định hàng hải với một số nước thành viên EU có đủ điều kiện hợp tác trong lĩnh vực này; đàm phán sửa đổi, bổ sung các Hiệp định hàng hải đã ký (nếu cần thiết), trong đó chú trọng mở rộng hợp tác giữa các cảng biển Việt Nam, các công ty vận tải biển Việt Nam với một số cảng biển quốc tế lớn và một số Hãng tàu biển lớn của EU nhằm biến Việt Nam trở thành một điểm trung chuyển hàng hóa quan trọng giữa EU với Đông Nam Á và Đông Bắc Á.

+ Bưu chính viễn thông

Căn cứ vào các thỏa thuận mở cửa thị trường Việt Nam, hình thành quan hệ hợp tác với một số tập đoàn viễn thông mạnh của EU, mở rộng nhanh chóng quan hệ viễn thông với các nước thành viên EU nhằm đáp ứng nhu cầu đang tăng nhanh của thị trường viễn thông Việt Nam. Xúc tiến đàm phán để ký Hiệp định hợp tác trong lĩnh vực viễn thông với các nước thành viên của EU. Trong từng dự án cần lựa chọn các nước thành viên EU có ưu thế nhất. Coi trọng hỗ trợ của EU và các nước thành viên chủ yếu của EU trong việc đào tạo kỹ sư và cán bộ quản lý công nghệ phần mềm.

+ Tài chính

- Thúc đẩy quan hệ hợp tác với EU trong lĩnh vực bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, kế toán - kiểm toán. Coi trọng trợ giúp kỹ thuật, đào tạo nguồn lực về hoạch định chính sách tài chính, kế toán -

kiểm toán, dịch vụ tài chính để Việt Nam tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế.

- Hình thành và mở rộng quan hệ hợp tác với các thị trường chứng khoán của EU, tìm kiếm khả năng phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty của một số doanh nghiệp Việt Nam, cho phép một số công ty có vốn đầu tư nước ngoài FDI được niêm yết, phát hành cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán quốc tế, kể cả các thị trường chứng khoán EU.

#### + Ngân hàng

- Trên cơ sở các Hiệp định hợp tác giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với các ngân hàng thành viên EU như Hiệp định khung về hợp tác tài chính với Ngân hàng đầu tư Bắc Âu, Hiệp định khung về hợp tác tài chính với Ngân hàng đầu tư châu Âu, các thỏa thuận giữa một số ngân hàng thương mại, cần mở rộng quan hệ giao dịch qua ngân hàng bằng các giải pháp đồng bộ để cung cấp các dịch vụ tin cậy, chất lượng cao, đa dạng về hình thức hỗ trợ cho hoạt động thương mại xuất nhập khẩu hai phía và đầu tư của EU với Việt Nam. Xúc tiến việc mở văn phòng đại diện hoặc chi nhánh ngân hàng thương mại Việt Nam tại một số nước thành viên chủ yếu của EU.

- Bảo đảm tỷ lệ hợp lý của đồng Euro và một số đồng tiền của các nước EU (Bảng Anh, Franc Thụy Sĩ...) trong thanh toán và dự trữ ngoại tệ. Tranh thủ sự tài trợ của EU trong việc đổi mới hoạt động ngân hàng, đào tạo nguồn nhân lực cho ngân hàng.

#### + Khoa học và giáo dục

- Gắn hợp tác khoa học và giáo dục với hợp tác kinh tế thông qua các Hợp đồng hợp tác, các doanh nghiệp đầu tư của EU tại Việt Nam, nhằm tranh thủ chuyển giao công nghệ, nhất là công nghệ nguồn; đào tạo nhân lực, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của nước ta, nhất là công nghệ tin học, sinh học, vật liệu mới, khoa học và công nghệ quản lý.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức khoa học, đào tạo, các cơ quan nhà nước thiết lập quan hệ, mở rộng hợp tác trong lĩnh vực khoa học và giáo dục với các đối tác, nhất là các nước thành viên EU có nền giáo dục tiên tiến và có công nghệ hiện đại. Trên cơ sở đó, lựa chọn một vài lĩnh vực mà Việt Nam ưu tiên phát triển như công nghệ thông tin, kể cả phần mềm, công nghệ sinh học để đáp ứng nhu cầu phát triển, gia tăng kim ngạch xuất khẩu.

- Khuyến khích, tạo thuận lợi để các tổ chức và các nhà khoa học Việt Nam tham gia Chương trình khung "Nghiên cứu và phát triển công nghệ của EU".

#### + Văn hóa thông tin

- Tăng cường các hoạt động trao đổi, giao lưu văn hóa nghệ thuật với các nước thành viên EU, nhất là với các nước mà Việt Nam đã ký hiệp định hợp tác văn hóa. Chú trọng công tác thông tin đối ngoại, giới thiệu quảng bá hàng hóa, dịch vụ, du lịch, văn hóa nghệ thuật, hình ảnh đất nước và con người Việt Nam, pháp luật và môi trường đầu tư



của Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế trên các phương tiện thông tin truyền thông trong và ngoài nước.

- Chủ động, tích cực khai thác những tinh hoa văn hóa của các nước EU, cử người đi đào tạo cơ bản ở các nước này.

#### + Y tế

Tích cực chủ động khai thác các thế mạnh của các nước trong EU về y tế, gia tăng hợp tác nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển công nghiệp dược phẩm, khuyến khích mở cơ sở điều trị chất lượng cao tại Việt Nam.

#### + Sở hữu trí tuệ

Tích cực hợp tác trong lĩnh vực bảo hộ sở hữu trí tuệ. Thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết quốc tế của nước ta trong lĩnh vực bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đồng thời bảo vệ các lợi ích hợp pháp của Việt Nam tại các nước thành viên EU. Khuyến khích sự hợp tác với các doanh nghiệp EU sản xuất kinh doanh ở Việt Nam để bảo vệ tài sản trí tuệ, bản quyền của họ.

#### + Tài nguyên và môi trường

Tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên thiên nhiên với EU và các nước thành viên thông qua các dự án ODA; khuyến khích đầu tư và chuyển giao công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ xử lý chất thải.

#### + Các lĩnh vực khác

Trên cơ sở phát triển quan hệ hợp tác đa dạng trong các lĩnh vực nêu trên, các cơ quan, địa phương cần tranh thủ mọi cơ hội, chủ động đề xuất các ý tưởng mới, các dự án mới để mở rộng quan hệ với EU và với các nước thành viên thích ứng với tiềm năng và truyền thống của mỗi nước.

### **3. Chủ trương đối với các nước thành viên lớn của EU có nhiều quan hệ với Việt Nam**

Trên cơ sở các chủ trương và giải pháp chung về hợp tác Việt Nam - EU trên đây, Bộ Ngoại giao cần tìm hiểu kỹ Hiến pháp EU và cơ chế phân công quyền lực giữa các cơ quan quyền lực EU (Nghị viện châu Âu, Hội đồng Liên minh châu Âu, Ủy ban châu Âu...) và Chính phủ các nước thành viên EU, để hướng dẫn cho các Bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh hợp tác song phương với tất cả các nước thành viên EU nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp đưa quan hệ hai phía lên tầm cao mới, trong đó cần coi trọng xây dựng quan hệ với một số nước thành viên lớn, một số khối nước vốn có nhiều quan hệ với Việt Nam.

#### **a) Với Cộng hòa Pháp**

Pháp là cường quốc kinh tế thứ năm của thế giới với GDP đạt 1.654 tỷ USD năm 2003, cường quốc nông nghiệp thứ hai thế giới (sau Mỹ) và thứ nhất châu Âu, cường quốc thương mại thứ 4 của thế giới, chiếm 5,2% thị phần xuất khẩu và 5,0% thị phần nhập khẩu của thế giới. Pháp cũng là cường quốc khoa học và

công nghệ với nhiều lĩnh vực nổi tiếng như hàng không vũ trụ, vô tuyến viễn thông, y tế, vi sinh, hóa chất... Trong EU, Pháp là đối tác thương mại quan trọng thứ 2 của Việt Nam: năm 2003, tổng kim ngạch xuất nhập của Việt Nam với Pháp là 910,1 triệu USD, trong đó xuất khẩu là 496,1 triệu USD. Pháp có quan hệ lâu dài với Việt Nam, hơn nữa Việt Nam là thành viên của Cộng đồng có sử dụng tiếng Pháp, trong quan hệ với các nước Đông Nam Á, Pháp dành ưu tiên cho quan hệ với Việt Nam.

Do đặc điểm đó, Việt Nam cần và có đủ điều kiện đẩy mạnh quan hệ hợp tác toàn diện với Pháp; gia tăng buôn bán, thu hút vốn đầu tư từ các tập đoàn đa quốc gia hàng đầu của Pháp trong lĩnh vực công nghệ cao, kể cả công nghệ thông tin, sinh học; tranh thủ sự tài trợ và tiếp nhận kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường, văn hóa - thông tin và nghệ thuật, đồng thời thông qua sự hợp tác với Pháp để thúc đẩy quan hệ giữa Việt Nam với EU và các nước trong Cộng đồng nói tiếng Pháp.

### ***b) Với Cộng hòa liên bang Đức***

Đức là cường quốc kinh tế lớn thứ ba thế giới và thứ nhất trong EU với GDP đạt 2.271 tỷ USD năm 2003, chiếm 20% GDP của EU - 25, là bạn hàng lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 1.464,5 triệu USD năm 2003, trong đó Việt Nam xuất khẩu 854,7 triệu USD và nhập khẩu 609,8 triệu USD.

Chính phủ Đức đã ưu tiên hỗ trợ phát

triển cho Việt Nam về cải cách kinh tế, phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên rừng, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cộng đồng, xóa đói giảm nghèo.

Tuy nhiên, đầu tư của các doanh nghiệp Đức vào Việt Nam chưa nhiều, do đó đồng thời với việc phát triển quan hệ thương mại, cần chú trọng khai thác tiềm lực khoa học và công nghệ của Đức, nhất là các ngành cơ khí chế tạo, năng lượng, điện tử, viễn thông, sinh học... công nghệ cao. Đồng thời, chú trọng hợp tác giáo dục đào tạo, nhất là giáo dục đại học, đào tạo kỹ sư và cán bộ kỹ thuật lành nghề, thông qua quan hệ hợp tác đầu tư với các tập đoàn đa quốc gia hàng đầu của nước này, nhất là trong lĩnh vực cơ khí, hóa chất.

### ***c) Với Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ailen***

Vương quốc Anh là cường quốc kinh tế thứ tư thế giới (sau Mỹ, Nhật và Đức) và thứ hai trong EU với GDP đạt 1.664 USD năm 2003, cường quốc thương mại thứ năm thế giới (sau Mỹ, Nhật, Đức và Pháp) với khoảng 4,4% thị phần xuất khẩu và 5,2% thị phần nhập khẩu thế giới.

Anh là đối tác thương mại quan trọng thứ 3 của Việt Nam trong số 25 nước thành viên EU và hiện nay là một nước viện trợ không hoàn lại lớn cho Việt Nam (100 triệu USD/năm) chủ yếu dành cho các dự án về xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng, văn hóa, giáo dục. Đồng thời Vương

quốc Anh cũng có nhiều dự án đầu tư trực tiếp FDI thành công ở Việt Nam.

Cần chú trọng khai thác thế mạnh của Anh trong các lĩnh vực dầu khí, đóng tàu, ngân hàng, bảo hiểm, công nghệ thông tin và khoa học cơ bản.

#### *d) Với các nước Bắc Âu*

Đây là khu vực thịnh vượng và ổn định nhất ở châu Âu nhiều thập kỷ qua, là một trong các đối tác quan trọng của Việt Nam. Các nước này đã và đang tích cực ủng hộ, giúp đỡ, hợp tác với Việt Nam trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay. Đặc biệt, Thụy Điển là nước viện trợ cho Việt Nam sớm nhất, hợp tác giúp đỡ nhiều mặt với Việt Nam rất có hiệu quả ngay từ thời kỳ Việt Nam bị bao vây cấm vận.

Buôn bán của Việt Nam với khu vực này đang tăng nhanh trong hai năm gần đây, đặc biệt thủy sản, đồ gỗ, sản phẩm cơ khí, thủ công mỹ nghệ.

Cùng với việc mở rộng quan hệ kinh tế, thương mại, cần tiếp tục mở rộng hợp tác về công nghệ, lâm nghiệp, sản xuất giấy, cơ khí, thủy sản; tranh thủ viện trợ, khai thác thế mạnh của các nước này về khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo nhân lực quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh và thu hút du lịch từ các nước này thăm Việt Nam.

#### *đ) Với các nước Nam Âu*

Trình độ phát triển kinh tế của các

nước này thấp hơn các nước Tây Bắc Âu nhưng là đối tác có tiềm năng nhất định về kinh tế, thương mại, khoa học, công nghệ, văn hóa, giáo dục...

Do vậy, ngoài việc tăng cường hợp tác, hữu nghị, cần đi sâu khai thác thế mạnh của khu vực này về công nghệ chế biến nông lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, may mặc, giày dép, thủy sản, thủ công mỹ nghệ, hàng công nghiệp nhẹ.

#### *e) Với các nước Đông Âu*

Bảy nước thành viên mới của EU ở Đông Âu đã từng hợp tác, giúp đỡ Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến giành độc lập, thống nhất. Từ đầu những năm 1990, thể chế chính trị, kinh tế và xã hội của các nước này đã thay đổi và do vậy quan hệ với Việt Nam bị gián đoạn trong một thời gian, đang từng bước được khôi phục theo hướng các nước này là thành viên của EU.

Do vậy, hợp tác với nhóm nước này phải tính đến đặc thù lịch sử có tính truyền thống trước đây kết hợp với bối cảnh mới trong quan hệ, trong đó cần đặc biệt chú ý đến hàng trăm nghìn người Việt Nam đang sinh sống tại các nước này, họ là những trí thức, công nhân, doanh nhân... am hiểu phong tục, tập quán và thành thạo ngôn ngữ địa phương, khá năng động trong kinh doanh, có khả năng tạo thành một lực lượng có thể đóng góp vào sự nghiệp phát triển đất nước và góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân nước sở tại.

#### 4. Các giải pháp lớn

a) Các Bộ, ngành, địa phương phối hợp thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về phát triển quan hệ Việt Nam - EU, trong đó Bộ Ngoại giao đóng vai trò đầu mối về quan hệ chính trị, đối ngoại; Bộ Kế hoạch và Đầu tư đóng vai trò đầu mối về ODA, FDI; Bộ Thương mại đóng vai trò đầu mối về các vấn đề thương mại, các Bộ, ngành thúc đẩy quan hệ theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

Trong quá trình thực hiện, trước hết cần thay đổi tư duy hợp tác thụ động hiện nay chuyển sang hợp tác vì mục tiêu hai bên cùng có lợi, cùng phát triển, trên cơ sở đó mạnh mẽ phát huy tính sáng tạo và sự phối hợp liên ngành, liên vùng, Trung ương với địa phương nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia, lợi ích của doanh nghiệp; đồng thời coi trọng lợi ích chiến lược lâu dài trong quan hệ Việt Nam với EU.

#### b) Tranh thủ lợi thế và ưu đãi của EU

- Tổ chức nghiên cứu dài hạn có hệ thống và toàn diện về tiềm năng, thế mạnh của EU về chính trị, kinh tế, khoa học công nghệ, văn hóa xã hội..., quan hệ truyền thống giữa Việt Nam với từng nước thành viên EU cần được hình thành như một Chương trình quốc gia do Bộ Ngoại giao đứng đầu, có phối hợp, phân công giữa các tổ chức nghiên cứu, các Viện khoa học, các cơ quan nhà nước ở Trung ương, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

- Trước mắt cần đẩy mạnh quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư, hợp tác phát triển (ODA) làm nền tảng để phát triển hợp tác về văn hóa, khoa học công nghệ, giáo dục, an ninh quốc phòng..., trong đó tranh thủ EU duy trì ưu đãi thuế theo cơ chế GSP cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam và sớm công nhận của quy chế nền kinh tế thị trường của Việt Nam.

#### c) Chủ động trong việc đề ra các sáng kiến để mở rộng quan hệ với EU

Bên cạnh các giải pháp đã nêu trong Chương trình hành động của Chính phủ, các Bộ, ngành ở Trung ương, các tỉnh, thành phố cần đề ra các ý tưởng mới, các sáng kiến mới, chủ động xây dựng Chương trình hợp tác với các ngành, các lĩnh vực hữu quan của EU, các nước thành viên EU. Từ đó chủ động tìm đối tác thích hợp, tìm cơ hội để triển khai dự án, hợp đồng... nhằm trong 3 - 5 năm tới tạo đột phá trong quan hệ với EU, để bước sang giai đoạn đến 2015 phát triển hợp tác toàn diện đi vào chiều sâu hướng vào mục tiêu phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực.

Chính phủ đặc biệt khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, các tổ chức khoa học và giáo dục tìm kiếm cơ hội và thực hiện các dự án hợp tác để thúc đẩy quan hệ toàn diện giữa Việt Nam với EU.

Các doanh nghiệp cần có chiến lược dài hạn và nhất quán trong việc thiết lập và mở rộng hoạt động của mình với thị trường EU đầy tiềm năng.

#### **d) Cải tiến điều hành trong quan hệ với EU**

Hiện nay đang tồn tại tình trạng phân tán, tản mạn trong quan hệ với EU. Mỗi lĩnh vực tùy thuộc vào nhận thức và sự điều hành của bộ máy, người lãnh đạo lĩnh vực đó; chưa có sự chỉ đạo thống nhất.

Để khắc phục tình trạng đó, trên cơ sở Đề án tổng thể về quan hệ Việt Nam - EU và Chương trình hành động Chính phủ về phát triển quan hệ hợp tác Việt Nam - EU, Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế do một Phó Thủ tướng lãnh đạo với sự tham gia của Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thương mại và Văn phòng Chính phủ được coi như Bộ Tư lệnh chỉ đạo thống nhất các Bộ, ngành ở Trung ương, các địa phương, các doanh nghiệp trong việc mở rộng quan hệ với EU. Các Bộ, ngành Trung ương là cơ quan chỉ đạo từng lĩnh vực trong việc mở rộng hợp tác với EU một cách đồng bộ.

#### **đ) Thành lập trung tâm lớn ở EU**

Thành lập Cơ quan đại diện ngoại giao tại Liên minh châu Âu - EU (tách khỏi Đại sứ quán Việt Nam tại Vương quốc Bỉ hiện nay) và được xây dựng thành một tổ chức đủ mạnh để thống nhất chỉ đạo tại chỗ việc mở rộng quan hệ toàn diện với EU, trên cơ sở: (i) xây dựng quan hệ hợp tác chặt chẽ với Ủy ban châu Âu EC; (ii) đối với mọi vấn đề phát sinh có biện pháp xử lý hài hòa quan hệ Việt

Nam với Ủy ban châu Âu - EC và quan hệ với các nước thành viên EU.

Cơ quan đại diện có người đứng đầu đủ năng lực và quyền hạn, có thể tương đương cấp Thứ trưởng để phối hợp, điều phối hoạt động của các Đại sứ quán tại các nước thành viên EU. Trong điều hành, bên cạnh việc báo cáo Bộ trưởng Bộ Ngoại giao theo quy định, Cơ quan đại diện có quyền báo cáo trực tiếp với Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, để nhận được sự chỉ đạo kịp thời khi xử lý các vấn đề nảy sinh trong quan hệ với EU.

Cơ quan đại diện được cấp kinh phí đầy đủ, bảo đảm các hoạt động trên nhiều phương diện, kể cả việc tiếp xúc với các đối tác khác nhau trong khi triển khai dự án, chương trình, vận động hành lang và xử lý các quan hệ, các tranh chấp trong quan hệ với EU.

**e) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền** trên các phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài nước, mà trước hết là các hình thức truyền thông thích hợp trong cả nước về phát triển quan hệ giữa Việt Nam và EU, trước hết nhằm vào đối tượng là các Hiệp hội ngành hàng, các doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức và phát huy sức sáng tạo của các Bộ, ngành, các địa phương và toàn thể các doanh nghiệp trong việc phát triển “quan hệ đối tác bình đẳng, hợp tác toàn diện, lâu dài giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu vì hòa bình và phát triển”./.